

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện
Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 10/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh Điện Biên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân ước đạt 8,35%/năm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, diện mạo các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn có nhiều chuyển biến (*96,9% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa; 100% trạm y tế bảo đảm quy định, ...*). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 34,9% năm 2021 xuống còn 17,78% năm 2025; các huyện nghèo (trước sắp xếp) và hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân hằng năm ở mức khá. Người dân được tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội, bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm bảo tồn. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số được nâng lên rõ rệt; khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được còn có những tồn tại, hạn chế: Kết quả phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn chậm, chưa thật sự bền vững. Sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, toàn tỉnh còn 38/45 xã đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vẫn diễn biến phức tạp. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; việc ứng dụng khoa học - công nghệ còn hạn chế; một số giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một. Các vấn đề về truyền đạo trái pháp luật, tranh chấp đất đai, di cư tự do, tội phạm ma túy còn tiềm ẩn phức tạp, nhất là ở khu vực miền núi, biên giới.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế đó là: Xuất phát điểm kinh tế của tỉnh nói chung và của vùng đồng bào dân tộc thiểu số thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; chưa thu hút được nhiều dự án, nguồn vốn đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân; các mô hình kinh tế tạo sinh kế, việc làm chưa phát huy hiệu quả; nguồn lực hỗ trợ, nhất là kinh phí sự nghiệp chưa được phát huy. Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, chưa thật sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; năng lực tổ chức thực hiện chính sách, chương trình còn hạn chế. Vai trò chủ thể của người dân chưa

được phát huy đầy đủ, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc, gây mất ổn định chính trị và chia rẽ khối đại đoàn kết.

Từ thực tiễn triển khai giai đoạn trước, rút ra một số bài học kinh nghiệm: Công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; việc triển khai các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm, xác định thứ tự ưu tiên theo mức độ cấp thiết, bám sát chủ trương của cấp ủy và định hướng phát triển của địa phương; phát huy vai trò chủ thể của người dân, đồng thời có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thu hút nguồn lực; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời tổng kết, nhân rộng các mô hình hiệu quả từ cơ sở.

Đề cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026 -2030, định hướng đến năm 2035, với các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không chỉ là địa bàn sản xuất mà còn là không gian sống, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh; thực hiện quan điểm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng *“lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước”* thì việc tạo sinh kế việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ rất quan trọng của cấp ủy, chính quyền các cấp.

1.2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo vệ an ninh nguồn nước và bảo đảm vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng; gắn bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc với phát triển du lịch; thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo.

1.3. Tạo chuyển biến thực chất trong phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; thay thế cán bộ vô cảm, nói nhiều làm ít, làm không đến cùng, không hiệu quả.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh, thông minh và bền vững gắn với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, thông minh, tuần hoàn, gắn với cơ cấu lại nông nghiệp và chuyển đổi số. Khuyến khích và phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, nhất là tại các địa bàn chiến lược, biên giới. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nhóm dân cư; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

(1)- Phần đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020; phần đầu tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2)- Phần đầu tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn đa chiều) giảm 3 - 3,5%/năm, trong đó tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 3%/năm trở lên; 100% số xã theo quy định thực hiện phê duyệt quy hoạch chung xã nông thôn mới; phần đầu toàn tỉnh có 65% xã đạt chuẩn nông thôn mới; phần đầu giảm 65% các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(3)- Hoàn thành xây dựng 100% các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới; ưu tiên kiên cố hóa phòng học và cải thiện điều kiện học tập tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới.

(4)- Đạt mục tiêu tiêu bao phủ y tế; tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) còn dưới 15%, suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) còn dưới 23%; tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vaccine trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt 95%.

(5)- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó phần đầu 55% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn.

(6)- Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 5.500 - 6.000 lao động là người dân tộc thiểu số, tạo việc làm từ 7.000 - 8.000 lao động là người dân tộc thiểu số.

(7)- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 100% thôn, bản có đường trục chính được rải nhựa hoặc bê tông; 100% thôn, bản có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm.

(8)- Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào dân tộc thiểu số di cư không theo kế hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số ở những nơi cần thiết.

(9)- Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 72% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng.

(10)- 100% hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện năng lượng khác.

(11)- 100% người dân tộc thiểu số, hộ nghèo được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí khi có nhu cầu; trên 90% người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận thông tin pháp luật cơ bản thông qua các hình thức phù hợp; 100% các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật giảm nghèo và các kiến thức, mô hình giảm nghèo hiệu quả.

2.2.2. Định hướng mục tiêu đến năm 2035:

(1)- Phần đầu thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030; thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(2)- Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm trên 3,5%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2031-2035.

(3)- Phần đầu giảm ít nhất 50% số lượng xã, thôn, bản khó khăn trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(4)- Phần đầu có khoảng 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có khoảng 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận xã đạt nông thôn mới hiện đại theo quy định.

II- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, các ngành, củng cố hệ thống chính trị cơ sở; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, cơ sở y tế và hạ tầng số, gắn với sắp xếp, ổn định dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững; phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân và thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị.

4. Phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ gắn với khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phát triển sinh kế bền vững cho người dân.

5. Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề và chăm sóc sức khỏe Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, từng bước hình thành nền kinh tế số, xã hội số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tập trung có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên theo thứ tự cấp thiết, bám sát chủ trương của cấp ủy và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội để đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; hoàn thiện cơ chế, chính sách, thu hút doanh nghiệp và các nguồn lực tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực của cán bộ cấp cơ sở, nhất là về năng lực chuyên môn, am hiểu công nghệ, đổi mới tư duy về phát triển. Cán bộ phải thực sự gần dân, sát dân, tận tình nắm bắt, đáp ứng mọi nhu cầu chính đáng của dân với tinh thần "Nếu dân có nguy cơ bị đói, chính quyền phải lo; dân làm ra sản phẩm không bán được, chính quyền phải lo; đời sống địa phương không nâng cao lên được, chính quyền phải lo".

9. Tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, củng cố niềm tin và tăng cường sự đồng thuận xã hội; nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững.

10. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc ở khu vực miền núi, biên giới.

III- GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Quán triệt và tổ chức thực hiện, hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giai đoạn 2026-2030. Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; lấy kết quả thực hiện làm căn cứ quan trọng để kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân theo Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo nguyên tắc *“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu gắn với sắp xếp, ổn định dân cư

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại, xanh, thông minh tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thiết yếu cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; bảo đảm đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, giáo dục, y tế và hạ tầng thông tin, hạ tầng số gắn với sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn. Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư; tập trung nguồn lực cho các công trình trọng điểm, cấp thiết; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, kém hiệu quả. Đồng thời, tăng cường thu hút đầu tư, ưu tiên phát triển các dự án năng lượng tái tạo, nhất là điện gió, điện mặt trời và thủy điện, tạo việc làm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

3. Phát triển sản xuất, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập

3.1. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Tập trung quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế từng địa phương; phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ và chuyển đổi số trong nông nghiệp; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn.

3.2. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2045. Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi

để doanh nghiệp đầu tư vào khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3.3. Ưu tiên chăm lo đầu ra sản phẩm được sản xuất tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cấp ủy, chính quyền các cấp có giải pháp hiệu quả giải quyết đầu ra cho sản phẩm.

3.4. Mỗi khu vực trên địa bàn một xã cần phát triển các hợp tác xã; đồng thời, hỗ trợ để các hợp tác xã hình thành và phát triển, hoạt động hiệu quả.

4. Phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ gắn với bảo tồn văn hóa, tạo sinh kế bền vững

4.1. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; tập trung phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, sinh thái, trải nghiệm gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; xây dựng thương hiệu du lịch đặc trưng của địa phương, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh; khuyến khích phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ tại khu vực vùng cao, biên giới gắn với du lịch, tiêu thụ sản phẩm địa phương, tạo sinh kế bền vững cho người dân, nhất là tại các xã có điều kiện phát triển du lịch, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.2. Phát triển mạnh mẽ các sản phẩm OCOP tại vùng đặc biệt khó khăn; ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ cao hơn đối với hợp tác xã, chủ thể OCOP tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn so với mặt bằng.

4.3. Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cao hơn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nguồn, Startup, hợp tác xã tại vùng đặc biệt khó khăn so với mặt bằng.

5. Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và bảo đảm an sinh xã hội

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 và Kế hoạch số 05-KH/TU, ngày 21/11/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ các chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục nội trú, bán trú.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

nhân dân; tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, đẩy mạnh y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khám chữa bệnh.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

6.1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo. Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu số dùng chung; mở rộng hạ tầng viễn thông, Internet; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và thương mại điện tử.

6.2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho các chủ thể về các khóa học sáng tạo nội dung, bán hàng trực tuyến, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm.

7. Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Tăng cường huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; khai thác hiệu quả vốn ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ODA, PPP, vốn đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và các nguồn lực xã hội hóa. Phân bổ nguồn lực theo thứ tự ưu tiên cấp thiết, bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy và nhu cầu thực tiễn của người dân, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

8. Đổi mới công tác tuyên truyền, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và Nhân dân; đổi mới công tác tạo sinh kế việc làm

8.1. Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng dân tộc, từng địa bàn; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo; tăng cường đối thoại, cung cấp thông tin chính thống, kịp thời định hướng dư luận xã hội; chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới. Chủ động nắm bắt tình hình cơ sở, kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bào các dân tộc; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, phát huy dân chủ ở cơ sở,

góp phần xây dựng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phát triển bền vững.

8.2. Hằng năm tổ chức các đợt khen thưởng, tôn vinh các chủ thể, hộ gia đình, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh giỏi trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung tuyên truyền, quảng bá cho các chủ thể, hộ gia đình, hợp tác xã kinh doanh sản xuất giỏi, nhân rộng các mô hình hiệu quả. Tổ chức các cuộc thi, hội thi cho các chủ thể, hộ gia đình, hợp tác xã kinh doanh sản xuất giỏi; thực hiện trao giải, khen thưởng, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh.

8.3. Các cơ quan, sở, ban, ngành, đơn vị liên quan của tỉnh và cấp xã trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ triển khai để bảo đảm các mô hình lan tỏa, phát huy hiệu quả.

8.4. Cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu cấp xã, phường tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế, việc làm; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực, lãng phí các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ. Lãnh đạo, chỉ đạo thông tin đầy đủ các chính sách hỗ trợ đến Nhân dân.

8.5. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục nội bộ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực thi công vụ.

9. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội

Chủ động nắm tình hình cơ sở, phòng ngừa và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh từ sớm, từ xa. Đẩy mạnh tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh; xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán, người có uy tín tại cơ sở; chủ động đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền gây mất ổn định chính trị - xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết này tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Căn cứ nội dung Nghị quyết và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện cụ thể hoá bằng nghị quyết, chương trình hoặc kế hoạch để triển khai thực hiện, hoàn thành **trước ngày 05/5/2026**.

2. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách, áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với giảm nghèo bền vững phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giảm nghèo bền vững.

3. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Định kỳ hàng năm tổ

chức thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị quyết. Chủ động nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội, đấu tranh phản bác thông tin sai trái của các thế lực thù địch trong quá trình triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng kế hoạch thực hiện tốt mục 8.2 và các nhiệm vụ có liên quan

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chương trình hoặc kế hoạch về công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề việc thực hiện Nghị quyết này nhất là các trường hợp gây phiền hà, không minh bạch chính sách hỗ trợ; có biểu hiện tham nhũng, lãng phí; không triển khai các nhiệm vụ giải pháp trong Nghị quyết này; thường xuyên giám sát, đôn đốc và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả giám sát.

7. Ban Tổ chức Tỉnh ủy kịp thời đánh giá, đề xuất thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý chậm triển khai, nói nhiều làm ít, làm không đến cùng, không hiệu quả các chủ trương tại Nghị quyết này.

8. Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

9. Nghị quyết được phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c),
- Đảng ủy các Bộ: Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC 01
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
 (kèm theo Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)



STT	Nội dung nhiệm vụ	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cấp ủy cơ quan chịu trách nhiệm		Nguồn kinh phí thực hiện	Thời gian hoàn thành
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng tài liệu tuyên truyền phù hợp từng vùng, từng dân tộc	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh	Ngân sách địa phương theo phân cấp	Thường xuyên
2	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch tổng thể triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ngân sách địa phương theo phân cấp	Tháng 5/2026
3	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn, vùng có nguy cơ thiên tai	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ngân sách địa phương theo phân cấp	Trước Quý IV năm 2026
4	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu: Giao thông nông thôn, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, hạ tầng số	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp	Hàng năm (2026-2030)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cấp ủy cơ quan chịu trách nhiệm		Nguồn kinh phí thực hiện	Thời gian hoàn thành
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5	Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp; xã hội hóa	Quý IV năm 2026
6	Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, liên kết chuỗi giá trị; hỗ trợ sinh kế, đa dạng hóa việc làm	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp; vốn tín dụng ưu đãi; Xã hội hóa	Hàng năm (2026-2030)
7	Thực hiện các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững; hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp; xã hội hóa	Hàng năm (2026-2030)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cấp ủy cơ quan chịu trách nhiệm		Nguồn kinh phí thực hiện	Thời gian hoàn thành
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
8	Xây dựng chỉ tiêu chi tiết; giao chỉ tiêu chi tiết theo quý và hằng năm cho các xã, phường	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp	Năm 2026 trong Quý II; từ 2027 trước 31/12 năm trước.
9	Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp	Hằng năm (2026-2030)
10	Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đào tạo nghề, phát triển trường nội trú, bán trú; bảo đảm cơ sở vật chất trường lớp	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp	Hằng năm (2026-2030)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cấp ủy cơ quan chịu trách nhiệm		Nguồn kinh phí thực hiện	Thời gian hoàn thành
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
11	Tăng cường chăm sóc sức khỏe Nhân dân; nâng cao năng lực y tế cơ sở; thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp	Hàng năm (2026-2030)
12	Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tiễn, thúc đẩy chuyển đổi số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách địa phương theo phân cấp; các chương trình, đề án chuyển đổi số	Hàng năm (2026-2030)
13	Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế, việc làm; hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp	Tháng 8 năm 2026
14	Tổ chức khen thưởng, tôn vinh; tuyên truyền, quảng bá; các cuộc thi, hội thi cho các chủ thể, hộ gia đình, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh giỏi.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Đảng ủy các xã, phường	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các ban, sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cấp ủy cơ quan chịu trách nhiệm		Nguồn kinh phí thực hiện	Thời gian hoàn thành
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
15	Hướng dẫn, hỗ trợ triển khai để bảo đảm các mô hình lan tỏa, phát huy hiệu quả	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước	Thực hiện thường xuyên
16	Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế, việc làm; không để xảy ra thất thoát, lãng phí các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ. Lãnh đạo, chỉ đạo thông tin đầy đủ các chính sách hỗ trợ đến Nhân dân	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các ban, sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách nhà nước	Thực hiện thường xuyên
17	Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; phát triển du lịch cộng đồng	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã, phường; các sở, ban, ngành,	Ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG; Ngân sách địa phương theo phân cấp; xã hội hóa	Hàng năm (2026-2030)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cấp ủy cơ quan chịu trách nhiệm		Nguồn kinh phí thực hiện	Thời gian hoàn thành
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
18	Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp, nguồn vốn ODA, PPP và vốn đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường	Sở Tài chính	UBND xã, phường; các sở, ban, ngành	Ngân sách địa phương theo phân cấp; ODA; PPP; xã hội hóa	Thường xuyên
19	Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo	Đảng ủy Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh	Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	Ngân sách địa phương theo phân cấp	Thường xuyên
20	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Tỉnh ủy	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Ngân sách địa phương theo phân cấp	Hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ



PHỤ LỤC 02

BIỂU PHÂN KỲ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

(kèm theo Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Đến năm 2028 (giữa nhiệm kỳ)	Đến năm 2030 (cuối nhiệm kỳ)	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp	Cơ quan tham mưu thực hiện
1	Thu nhập bình quân người dân nông thôn so với năm 2020	Lần	$\geq 2,5$	$\geq 3,0$	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước	%	40	50	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo
3	Tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn đa chiều) mức giảm	%/năm	3-3,5	3-3,5	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân	%/năm	≥ 3	≥ 3		
4	Tỷ lệ xã thực hiện phê duyệt đề án quy hoạch chung xã nông thôn mới	%	100		Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng
5	Tỷ lệ xã đạt chuẩn chuẩn nông thôn mới	% số xã	50 - 55	65	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Tỷ lệ giảm các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	50 - 55	65	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Đến năm 2028 (giữa nhiệm kỳ)	Đến năm 2030 (cuối nhiệm kỳ)	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp	Cơ quan tham mưu thực hiện
7	Tỷ lệ xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở	%	100		Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Ưu tiên củng cố hóa phòng học và cải thiện điều kiện học tập tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới			Hoàn thành	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế	%	85	Đạt tỷ lệ bao phủ	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế
10	Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, Trong đó:				Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế
-	(cân nặng/tuổi)	%	16	15		
-	(chiều cao/tuổi)	%	23,5	Dưới 23		
11	Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vaccine trong Chương trình tiêm chủng mở rộng	%	90	95	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế
12	Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	Trên 95	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Trong đó: tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn	%	45-50	55		

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Đến năm 2028 (giữa nhiệm kỳ)	Đến năm 2030 (cuối nhiệm kỳ)	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp	Cơ quan tham mưu thực hiện
13	Lao động DTTS được đào tạo nghề hằng năm	Người/năm	5.500	5.500 - 6.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Lao động DTTS được tạo việc làm hằng năm	Người/năm	7000	7.500-8000	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ
15	Tỷ lệ xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân	%	80	85	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng
16	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100		Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng
17	Tỷ lệ thôn, bản có đường trục chính được rải nhựa hoặc bê tông	%	85	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng
18	Tỷ lệ thôn, bản có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm	%	90	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng
19	Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào dân tộc thiểu số di cư không theo kế hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số ở những nơi cần thiết			Hoàn thành	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Đến năm 2028 (giữa nhiệm kỳ)	Đến năm 2030 (cuối nhiệm kỳ)	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp	Cơ quan tham mưu thực hiện
20	Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc			Hoàn thành	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
21	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng	%	70	72	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
22	Tỷ lệ hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện năng lượng khác phù hợp	%	98	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương
23	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí khi có nhu cầu	%	90	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tư pháp
24	Tỷ lệ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận thông tin pháp luật cơ bản thông qua các hình thức phù hợp	%	85	Trên 90	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tư pháp
25	Tỷ lệ hộ gia đình sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật giảm nghèo và các kiến thức, mô hình giảm nghèo hiệu quả	%	97	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường